TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DS-ST

Ngày: 23-11-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyễn đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 19, khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Giữa bà và bà Lê Thị Thùy T có quan hệ họ hàng. Bà Trang có vay của bà 02 lần tiền, cụ thể:

Vào ngày 15/4/2021, bà T vay của bà số tiền 200.000.000 đồng, bà Tcó lập giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của bà T. Thời hạn trả là ngày 15/5/2021; không thỏa thuận tiền lãi.

Vào ngày 26/3/2021, bà Tvay của bà số tiền 200.000.000 đồng, bà T có lập giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của bà T. Thời hạn trả là ngày 09/4/2021; không thỏa thuận tiền lãi.

Cả 02 lần vay trên, bà T không có thế chấp tài sản gì; mục đích bà T vay tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc vay tiền này chỉ có bà T trực tiếp đến vay của bà, không liên quan đến ai khác. Từ khi vay, bà T không thanh toán cho bà được khoản tiền gốc, lãi nào.

Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi của cả 02 khoản vay nêu trên tính từ ngày 15/5/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 15/5/2021 cho đến hết ngày 15/7/2022, thành tiền: 400.000.000 đồng x 10% 14 tháng = 46.480.000 đồng; yêu cầu hủy 02 giấy vay tiền đề ngày 15/4/2021, ngày 26/3/2021 ký kết giữa bà với bà T.

Lời khai của bị đơn bà Lê Thị Thùy T tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2022, thể hiện:

Giữa bà T và bà H có quan hệ họ hàng. Vào ngày 26/3/2021 và ngày 15/4/2022, do cần để đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà T có vay tiền của bà H với tổng số tiền 02 lần vay là 400.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay tiền; thời hạn trả là 01 tháng; không thỏa thuận tiền lãi. Sau khi vay, bà T có trả tiền cho bà H được một vài lần, nhưng không nhớ trả bao nhiêu, vì khi trả không làm biên bản giao nhận.

Nay bà T đồng ý trả cho bà Hoa số tiền vay gốc 400.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi cho bà H theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 15/5/2021; đồng ý hủy 02 giấy vay tiền đề ngày 15/4/2021, ngày 26/3/2021 ký kết giữa bà H với bà T. Đối với số tiền bà đã trả cho bà H, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn bà Lê Thị Thùy Trang về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị H , bị đơn Lê Thị Thùy T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, bà T .

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay gốc và hủy 02 Giấy vay tiền ký kết ngày 26/3/2021 và ngày 15/4/2022 giữa bà T với bà H:

Bà Hoa yêu cầu bà Lê Thị Thùy T có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, bà T thừa nhận có vay số tiền 400.000.000 đồng của bà H và đồng ý trả cho bà H số tiền này. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó cần buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng và hủy 02 Giấy vay tiền ngày 26/3/2021 và ngày 15/4/2022 ký kết giữa bà T với bà H .

[3] Xét yêu cầu tính lãi của bà Hoa đối với số tiền vay gốc 400.000.000 đồng:

Bà H yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tính từ ngày 15/5/2021 đến khi vụ án được xét xử, với mức lãi suất 10%/năm, bà T đồng ý. Xét thấy, 02 Giấy vay tiền ngày 26/3/2021, ngày 15/4/2022 ký kết giữa bà T với bà H là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà H yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi tính từ ngày 15/5/2021 đến khi vụ án được xét xử, với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tiền lãi được tính từ ngày 15/5/2021 đến hết ngày 23/11/2022, cụ thể như sau: 400.000.000 đồng x 18 tháng 8 ngày x 10%/năm = 60.645.328 đồng.

Tổng số tiền gốc, lãi bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà H là: 460.645.328 đồng.

[4] Về án phí:

Bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền là 24.258.131 đồng.

Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phi dân sự sơ thẩm bà H đã nộp.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm, về nội dung vụ án là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 39, 144, 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn bà Lê Thị Thùy T về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Lê Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 460.645.328 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi tám) đồng; trong đó gồm: Tiền vay gốc 400.000.000 đồng; tiền lãi 60.645.328 đồng.

Kể từ khi Bản có có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tuyên hủy 02 Giấy vay tiền ngày 26/3/2021 và ngày 15/4/2022 ký kết giữa bà Lê Thị H với bà Lê Thị Thùy T .

4. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ với số tiền là 24.258.131 (hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, một trăm ba mươi mốt) đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phi dân sự sơ thẩm bà Lê Thị H đã nộp 12.045.800 (mười hai triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm) đồng tại Biên lai thu số AA/2021/0011901 ngày 29/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Bình Dương;
VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA;VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cẩm Hằng